

Bản án số: 16/2024/HS-ST
Ngày 11-4-2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ YÊN BÁI, TỈNH YÊN BÁI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Thế Hòa.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Ngọc Hà, bà Lê Thị Thành.

- Thư ký phiên toà: Bà Hoàng Thị Huệ - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái tham gia phiên toà: Bà Đỗ Thị Bích Tú - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 20/2024/HS-ST ngày 19-3-2024. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2024/QĐXXST-HS ngày 26-3-2024, đối với bị cáo:

Nguyễn Văn C - Tên gọi khác: Không; sinh ngày 02-02-1988 tại tỉnh Yên Bái; nơi cư trú: Tổ dân phố H, phường H, thành phố Y, tỉnh Yên Bái; trình độ văn hoá: 6/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1957 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1957; vợ Đặng Thị T (đã ly hôn) và có 01 con sinh năm 2012; tiền án, tiền sự: Không, nhân thân: Ngày 27-6-2014 bị Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái xử phạt 03 năm 06 tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và phạt bổ xung 5.000.000 đồng tại bản án số 43/HS-ST (đã được xóa án tích). Ngày 29-11-2018 bị Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội “Đánh bạc” và phạt bổ xung 10.000.000 đồng tại bản án số 77/HS-ST (đã được xóa án tích). Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 08-01-2024, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Y - Có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Phạm Thị B, sinh năm 1975, trú tại: Tổ dân phố N, phường N, thành phố Y, tỉnh Yên Bái. Vắng mặt.

Người chứng kiến: Ông Trần Phương Đ, sinh năm 1958, trú tại: Tổ dân phố H, phường H, thành phố Y, tỉnh Yên Bái. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn C là đối tượng nghiện chất ma túy, khoảng 20 giờ 40 phút ngày 08-01-2024, Nguyễn Văn C đi đến khu vực phía sau chợ G thuộc tổ dân phố H, phường H, thành phố Y, tỉnh Yên Bái mua của một người đàn ông không quen biết được 10 viên ma túy tổng hợp với giá 1.000.000 đồng, mục đích để sử dụng. Khi mua được ma túy C cất số ma túy vào túi quần phía sau, bên trái và đi về, C đi đến khu vực đường Y thuộc tổ dân phố H, phường H, thành phố Y thì bị bắt quả tang và bị thu giữ: 01 túi nilon màu trắng miệng túi có khóa kẹp, viên màu đỏ bên trong có 10 viên nén hình tròn, màu đỏ, một mặt các viên nén đều có chữ “WY”; 01 điện thoại di động Iphone 7 màu trắng và 345.000 đồng tiền Ngân hàng N1 phát hành.

Tại bản Kết luận giám định số 47/KL-KTHS ngày 14-01-2024 của Phòng K Công an tỉnh Y kết luận: Các viên nén màu đỏ, hình tròn, một mặt mỗi viên đều có chữ “WY” thu giữ khi bắt quả tang Nguyễn Văn C có tổng khối lượng là 1,01 gam là ma túy, loại Methamphetamine.

Tại bản cáo trạng số 22/CT-VKSTP ngày 18-3-2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái truy tố bị cáo Nguyễn Văn C về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn C phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Về hình phạt: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Văn C từ 02 (hai) năm đến 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Về vật chứng: Áp dụng Điều 46, 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự xử lý vật chứng theo quy định pháp luật.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Văn C khai báo thành khẩn, không tranh luận gì và xin được hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Y, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Yên Bái, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa

bị cáo và những người tham gia tố tụng khác, không người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều là hợp pháp.

[2] Về tố tụng: Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được triệu tập nhưng vắng mặt. Tuy nhiên, sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng trên không gây trở ngại cho việc xét xử. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt họ theo quy định tại Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự.

[3] Tại phiên tòa bị cáo, Nguyễn Văn C khai nhận hành vi tàng trữ 1,01 gam ma túy loại Methamphetamine với mục đích để sử dụng cho bản thân. Lời khai của bị cáo phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, kết luận giám định, lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người chứng kiến và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Hành vi nêu trên của bị cáo đã phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Xét hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quy định quản lý các chất ma túy của Nhà nước, gây mất trật tự trị an, an toàn xã hội tại địa phương. Hành vi của bị cáo đang bị toàn xã hội bài trừ, lên án và cũng là nguyên nhân làm gia tăng tệ nạn xã hội và các loại tội phạm khác. Do đó, cần phải đưa bị cáo ra xử lý nghiêm minh trước pháp luật.

[5] Bị cáo là người có sức khỏe, có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Nhận thức được hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật. Bị cáo hiểu rõ tác hại của ma túy, nhưng do sống buông thả nên đi vào con đường nghiện chất ma túy, năm 2014 và 2018 bị cáo đã bị xét xử về các tội “Mua bán trái phép chất ma túy và Đánh bạc” đã được xóa án tích. Nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học để rèn luyện bản thân lại tiếp tục phạm tội. Do đó, cần phải có mức hình phạt thỏa đáng tương xứng với hành vi phạm tội, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định, để giáo dục, cải tạo bị cáo và đảm bảo phòng chống tội phạm.

[6] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo đây là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự nên xem xét khi quyết định hình phạt.

[7] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo là đối tượng nghiện chất ma túy, không có nghề nghiệp, thu nhập không ổn định và không có tài sản riêng. Nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[8] Bị cáo Nguyễn Văn C khai nhận nguồn gốc ma túy là mua của một người đàn ông nhưng C không biết đầy đủ tên, tuổi và địa chỉ của người đó. Do vậy không có cơ sở để điều tra, xác minh và xử lý trong vụ án.

[9] Về vật chứng: Đối với 1,01 gam ma túy loại Methamphetamine thu giữ khi bắt quả tang Nguyễn Văn C, Cơ quan giám định đã trích 0,61 gam làm mẫu

giám định còn lại 0,4 gam cho vào túi nilon màu trắng được niêm phong bằng một phong bì do Phòng K - Công an tỉnh Y phát hành, cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với 02 vỏ phong bì đã mở niêm phong, giấy gói; 01 túi nilon cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 quá trình điều tra xác định là tài sản của chị Phạm Thị B cho C mượn làm phương tiện liên lạc trong quá trình C lái xe thuê cho chị B nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho chị B là phù hợp.

Đối với số tiền 345.000 đồng là tài sản của bị cáo không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho bị cáo.

[10] Về án phí và quyền kháng cáo: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn C phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

2. Về hình phạt: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Văn C 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ 08-01-2024.

3. Về vật chứng: Áp dụng Điều 46, 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;

- Tịch thu tiêu hủy: 0,4 gam ma túy loại Methamphetamine được niêm phong bằng một phong bì do Phòng K - Công an tỉnh Y phát hành, 02 vỏ phong bì đã mở niêm phong, giấy gói; 01 túi nilon.

- trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn C 345.000 đồng.

(Chi tiết đặc điểm theo Biên bản giao, nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 20-3-2024 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Y và Chi cục thi hành án dân sự thành phố Yên Bái).

4. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Bị cáo Nguyễn Văn C phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331 và Điều 333 bị cáo Nguyễn Văn C được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo phần Bản án có liên quan đến quyền, lợi ích hợp pháp trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, bị cáo có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND tỉnh Yên Bái.
- VKSND TP Yên Bái;
- Công an TP Yên Bái;
- Hồ sơ nghiệp vụ CATP;
- Chi cục THADS TP Yên Bái;
- Trại tạm giam;
- Sở tư pháp tỉnh Yên Bái;
- Bị cáo, người liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án, TA, THA.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đã ký
Nguyễn Thế Hòa

5. Quyền kháng cáo: Bị cáo Trần Văn N được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, bị cáo có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

